

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước lo ngại lạm phát gia tăng sau khi đại diện Tổng cục Thống kê cho biết áp lực lạm phát trong nửa sau năm 2022 là rất lớn

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVT, NLG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ gia tăng tỷ trọng trong các nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu

30/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,197.60	-1.68
VN30	1,248.92	-1.92
HĐTL VN30F1M	1,240.10	-1.62
HNXIndex	277.68	-1.65
HNX30	489.24	-3.31
UPCoM	88.58	-0.34
USD/VND	23,282	+0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.24	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.68	+25
Dầu (WTI, \$)	110.00	+0.20
Vàng (LME, \$)	1,813.58	-0.23



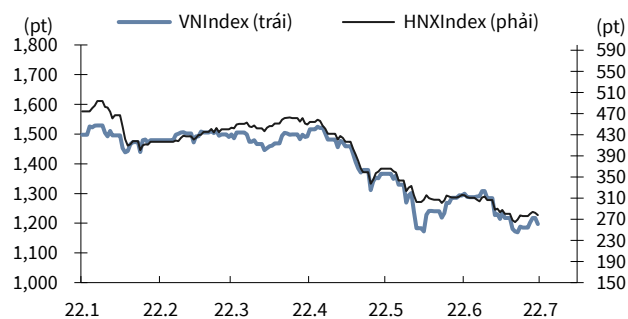
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,197.60 (-1.68%)
KLGD (triệu CP)	510.2 (+5.2%)
GTGD (triệu US\$)	486.5 (-4.4%)
HNXIndex	277.68 (-1.65%)
KLGD (triệu CP)	59.0 (+1.4%)
GTGD (triệu US\$)	46.1 (+6.7%)
UPCoM	88.58 (-0.34%)
KLGD (triệu CP)	35.3 (-34.8%)
GTGD (triệu US\$)	24.7 (-15.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +0.7

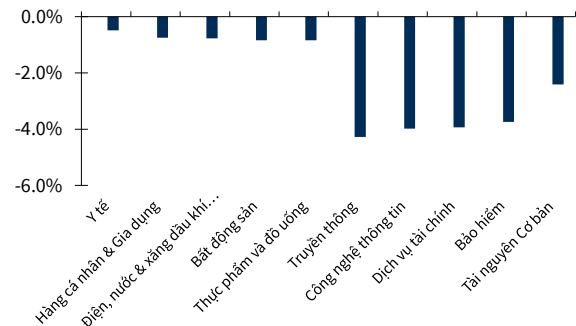
TTCK Việt Nam giảm điểm trước lo ngại lạm phát gia tăng sau khi đại diện Tổng cục Thống kê cho biết áp lực lạm phát trong nửa sau năm 2022 là rất lớn. Theo số liệu của Bộ Công thương, nửa đầu năm 2022 điện sản xuất và nhập khẩu ước đạt 133.039 tỷ kWh, tăng 3.5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó thủy điện được huy động tới 41,669 triệu kWh, tăng 10,209 triệu kWh so với Quyết định số 3598/QĐ-BCT ngày 31/12/2020 tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm điện ở GEG (+1.2%), VSH (+0.2%). Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, trong Q2/2022 sản lượng tôm đạt 339.5 nghìn tấn, tăng 11.5% YoY %, trong đó sản lượng nuôi tôm đạt 300.3 nghìn tấn, tăng 13.6% YoY giúp cổ phiếu tôm tăng giá ở MPC (+1.7%). Khối ngoại mua ròng ở HDG (-0.9%), STB (-4.9%), HDB (-1.6%).

VNIndex & HNXIndex



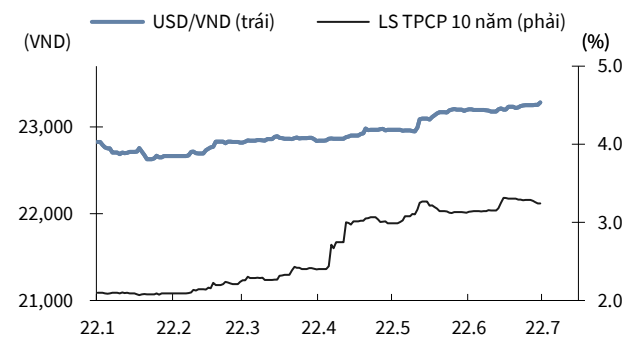
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

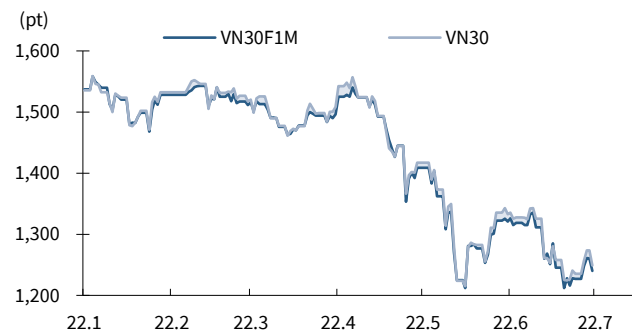
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,248.92 (-1.92%)
VN30F1M	1,240.1 (-1.62%)
Mở cửa	1,262.0
Cao nhất	1,264.8
Thấp nhất	1,240.1

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2207 và chỉ số VN30 đạt thấp nhất trong đầu phiên sáng tại -12.4 điểm và biến động quanh mức -13.3 điểm trước khi đóng cửa tại mức -8.8 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

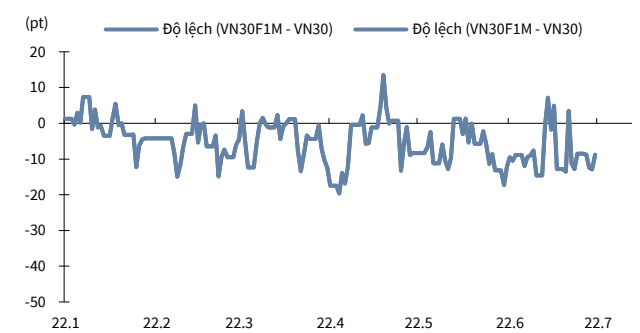
KLGD (HĐ)	257,336 (-11.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



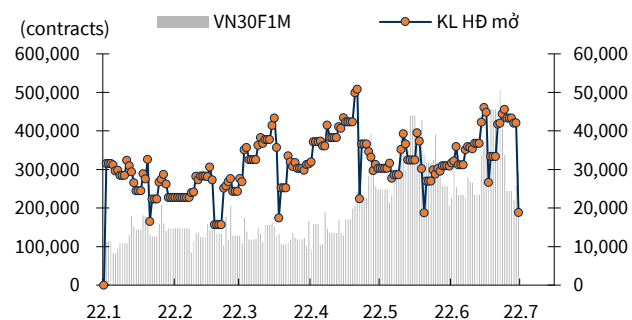
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



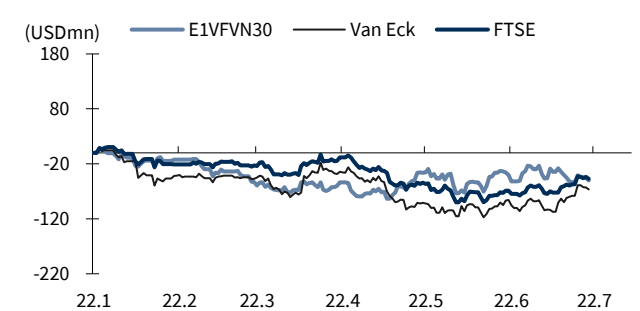
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

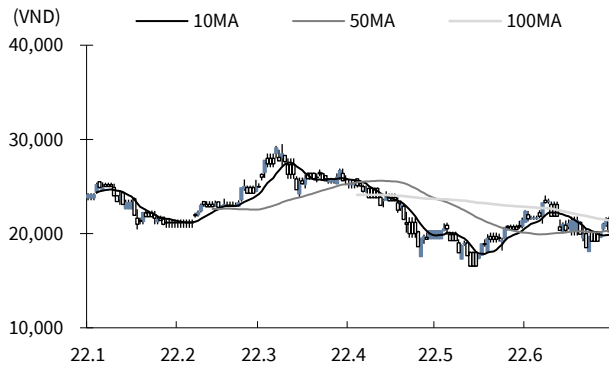
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

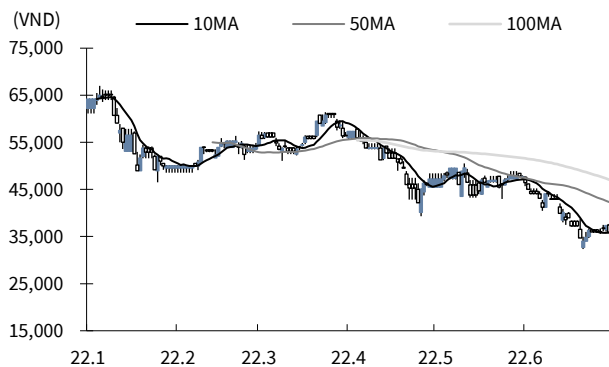
Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVT giảm 6.05% xuống 20,200 VND/cp
- Tổng công ty cổ phần vận tải dầu khí thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất gồm lợi nhuận 480 tỷ đồng (-42% YoY) và doanh thu 6.500 tỷ đồng (-15,6% YoY). Hiện nay đội tàu của công ty đang có 80% chạy tuyến quốc tế với doanh thu quốc tế đóng góp 60-65% tổng doanh thu vận tải. Năm nay công ty sẽ thanh lý 2 tàu Athena và Regan, trong đó tàu Athena hết giá trị sử dụng nên công ty sẽ tiến hành bán sắt vụn khoảng trong quý III, hoặc đầu quý IV.

CTCP Đầu tư Nam Long (NLG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG giảm 4.15% xuống 35,800 VND/cp
- Sau khi động thổ thi công móng cọc vào ngày 28/02/2022, Akari City (giai đoạn 2 - Lô F) đã chính thức được liên doanh chủ đầu tư Nam Long Group - Hankyu Hanshin Properties - Nishi Nippon Railroad và các nhà thầu tổ chức lễ khởi công xây dựng.
- Akari City (giai đoạn 2) gồm 4 toà căn hộ thuộc dòng Flora (AK7, AK8, AK9, AK10). Quy mô xây dựng mỗi toà cao 29 tầng và 1 tầng hầm, cung cấp tổng cộng 1,690 căn hộ.

30/06/2022

 Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng
 dunglnt@kbsec.com.vn

Vị thế đầu ngành hàng tiêu dùng từ MCH cùng lợi thế cạnh tranh đặc biệt nhờ cộng hưởng chuỗi bán lẻ WCM

Theo quan điểm của chúng tôi, MCH có lợi thế cạnh tranh đặc biệt so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành khi tận dụng được chuỗi bán lẻ WinCommerce từ tập đoàn. Cho giai đoạn 2022-2024, dự phóng LNST của MCH tăng trưởng 2 chữ số lần lượt 10.03%/12.21%/11.0%.

WinCommerce tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động, gia tăng biên lợi nhuận

WCM sẽ tiếp tục cải thiện doanh thu cũng như biên lợi nhuận trong giai đoạn tới. Biên EBITDA ở thời điểm đầu MSN bắt đầu năm giữ chỉ đạt -5.1% trong 1Q2020 đã cải thiện đáng kể lên 2.2% trong 1Q2022. Biên EBITDA sẽ tiếp tục cải thiện nhờ (1) tận dụng được công nghệ AI và ML từ đối tác chiến lược Trusting Social sẽ giúp WCM tối ưu việc mở thêm cửa hàng, (2) năng lực đàm phán tốt với các nhà cung cấp tiếp tục đem lại tín hiệu khả quan, (3) kế hoạch mở rộng loại hình cửa hàng mini-mall, loại hình tích hợp kiosk nhỏ trong siêu thị WinMart+.

MHT kỳ vọng các mảng kinh doanh chính được thúc đẩy bởi nhu cầu ổn định và giá bán tốt

Nhìn chung, cho giai đoạn 2022-2026, chúng tôi dự phóng NPAT-MI của MHT sẽ tăng trưởng với 13.5% CAGR nhờ vào các điểm tích cực như (1) giá bán của các sản phẩm chính như Tungsten, Flourspar tiếp tục ở mức tốt, (2) nhu cầu ngày càng cao đối với hai sản phẩm này nhờ tính áp dụng tốt ở nhiều lĩnh vực như: quốc phòng, năng lượng và hoá dầu.

Báo cáo lần đầu với khuyến nghị MUA và giá mục tiêu là 165,900 VNĐ

KBSV ra báo cáo lần đầu MSN với khuyến nghị MUA và giá mục tiêu là 165,900 VNĐ, cao hơn 45.5% so với giá đóng cửa ngày 29/06/2022. Trong năm 2022, chúng tôi dự phóng doanh thu thuần MSN đạt 88,274 tỷ đồng (-0.4% YoY) và LNST đạt 6,107 tỷ đồng (-40% YoY, do loại trừ mảng MNS Feed). Năm 2023, mức doanh thu thuần đạt 97,425 tỷ đồng (+10.4% YoY) và LNST ở mức 7,755 tỷ đồng (+27% YoY).

MUA

Giá mục tiêu 165,900 VNĐ

Tăng/giảm (%)	45.5%
Giá hiện tại (29/06/2022)	114,000
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	162/7.2

Dự phóng KQKD & định giá

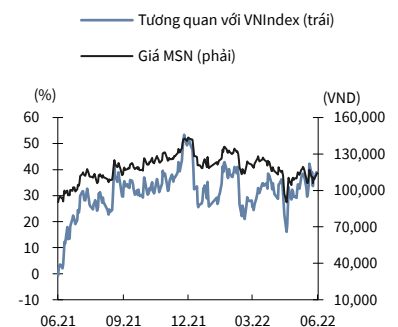
FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	77,218	88,629	88,274	97,425
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1,196	11,273	7,714	9,795
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1,395	10,101	6,107	7,755
EPS (nghìn VNĐ)	1,054	7,269	4,311	5,474
Tăng trưởng EPS (%)	-77.8	+589	-40.8	26.9
P/E (x)	84.3	23.5	26.4	20.8
P/B (x)	7.4	8.4	5.6	5.5
ROE (%)	9	41	19	23
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	0	1.05	0	0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	40.0%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ, triệu USD)	182.6/8.1
Sở hữu nước ngoài	28.78%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần Masan (31.5%)

Biến động giá cổ phiếu

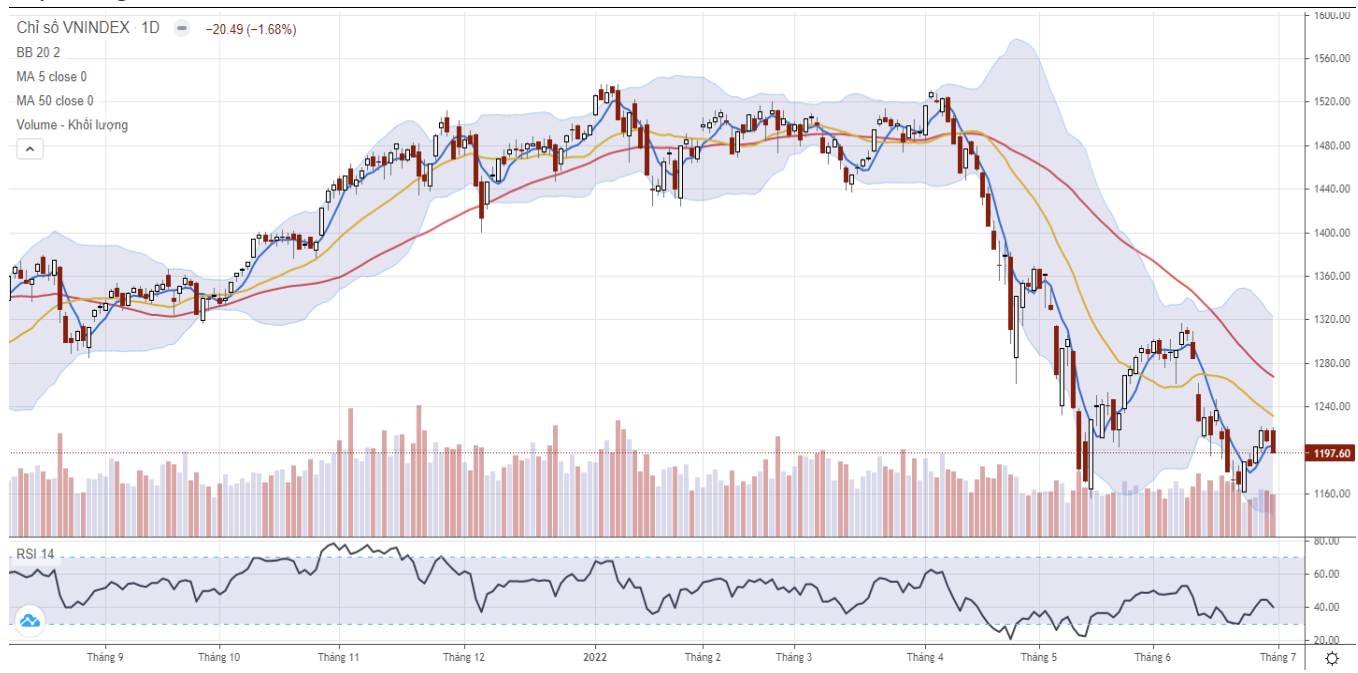
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	0	-11	-20	26
Tương đối	5	9	-2	39



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực vượt cản bất thành, VNIndex dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Lực cầu suy yếu cùng với áp lực bán gia tăng quanh vùng kháng cự gần 122x tiếp tục gây cản trở lên đà hồi phục của chỉ số. Mặc dù VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp rung lắc trong những phiên tới, cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao chừng nào điểm đỡ đáng lưu ý quanh 1180 (+5) vẫn được giữ vững.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và chỉ gia tăng tỷ trọng trong các nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1263 - 1265

Kháng cự gần: 1250 - 1252

Hỗ trợ gần: 1229 - 1232

Hỗ trợ xa: 1217 - 1220

— Sau những nỗ lực vượt cản bất thành, F1 dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Áp lực bán gia tăng quanh vùng kháng cự gần 126x tiếp tục gây cản trở lên đà hồi phục của chỉ số. Mặc dù F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp rung lắc trong những phiên tới, cơ hội hồi phục sau đó vẫn được đánh giá cao chừng nào điểm đỡ đáng lưu ý quanh 1120 (+5) vẫn được giữ vững.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở vị thế SHORT tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

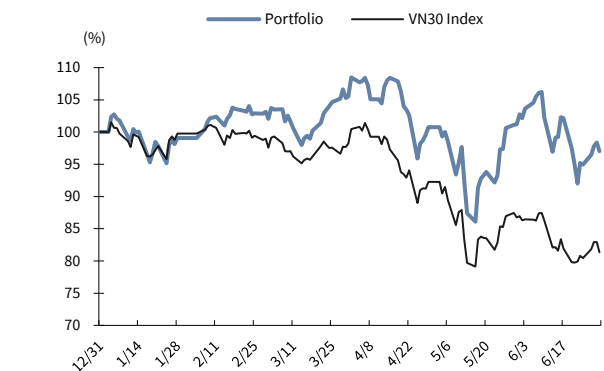
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.92%	-1.41%
Tăng lũy kế (YTD)	-18.67%	-2.98%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	71,500	-2.1%	89.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	28,500	0.0%	-17.1%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	128,500	-0.8%	68.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	170,000	0.6%	-12.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	86,200	-0.2%	192.2%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,200	-4.2%	271.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	26,150	-2.6%	42.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,500	-1.3%	59.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,300	-2.0%	104.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	32,700	-1.5%	223.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HDG	-0.9%	12.6%	49.5
STB	-4.9%	21.4%	44.6
HDB	-1.6%	17.0%	40.2
VND	-6.2%	17.3%	36.9
GEX	-4.4%	9.9%	30.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	-2.1%	48.8%	-107.7
VNM	-0.1%	54.5%	-61.0
VIC	0.1%	12.3%	-10.3
NVL	-0.8%	6.1%	-17.0
E1VFN30	-0.5%	93.0%	-16.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-4.4%	8.9%	2.5
PVG	0.0%	0.9%	0.5
SD5	-1.1%	2.8%	0.5
IDC	-2.3%	1.9%	0.4
PVI	0.2%	58.5%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.7%	3.9%	-1.2
DXP	-7.8%	0.0%	-0.6
BVS	-4.8%	8.0%	-0.4
NVB	1.6%	12.3%	-0.3
VTC	7.6%	13.1%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.4%	YEG, PNC
Truyền thông	3.2%	FTS, OGC
Dịch vụ tài chính	2.6%	PNJ, TLG
Tài nguyên Cơ bản	1.9%	REE, GEX
Thực phẩm và đồ uống	1.6%	BIC, PGI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-2.0%	VHM, VIC
Dầu khí	-1.4%	TNH, IMP
Bán lẻ	-1.1%	HOT, VNS
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.6%	GAS, POW
Bảo hiểm	-0.1%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7%	PNJ, TLG
Bảo hiểm	-0.6%	BIC, PGI
Thực phẩm và đồ uống	-1.2%	VNM, SBT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.5%	VSH, GEG
Bán lẻ	-1.5%	FRT, AST

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-20.8%	VND, SSI
Tài nguyên Cơ bản	-17.6%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-11.6%	TCH, HHS
Dầu khí	-11.5%	PLX, PVD
Bất động sản	-9.7%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	138,004 (5.9)	22.5	249.4	88.0	14.7	1.0	3.0	2.7	2.7	0.1	-0.9	-6.7	-22.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	196,765 (8.5)	26.6	8.4	7.1	35.9	22.8	21.9	1.8	1.5	-1.9	-1.7	10.8	-24.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	55,333 (2.4)	17.8	28.9	19.6	-7.6	7.2	9.8	2.0	1.9	0.4	1.8	-5.3	-5.1
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	213,665 (9.2)	31.3	26.6	21.0	6.7	15.1	16.4	3.6	3.2	-0.8	-0.5	-4.5	-18.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	30,263 (1.3)	11.6	18.7	15.3	13.7	12.9	17.2	2.2	1.9	-1.0	2.1	-7.5	-23.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	213,721 (9.2)	13.9	10.4	10.3	-	13.5	11.6	1.2	1.2	-4.4	-3.5	29.5	-44.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	68,385 (2.9)	6.3	13.2	11.0	11.7	21.3	21.8	2.6	2.1	-0.9	-1.4	-5.2	-5.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	38,730 (1.7)	12.7	13.3	11.0	-5.3	16.0	17.2	1.8	1.5	-4.0	8.1	-5.1	-9.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	172,884 (7.4)	0.0	5.7	4.8	14.3	20.9	19.9	1.1	0.9	-3.3	-1.1	-4.3	-28.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	103,863 (4.5)	1.4	7.1	5.9	50.3	18.3	20.5	1.1	1.0	-2.6	3.6	-6.3	-22.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	284,059 (12.2)	0.0	6.6	6.5	18.8	21.1	17.1	1.3	1.0	-3.3	1.9	-6.5	-19.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	210,561 (9.1)	0.0	5.8	4.7	14.6	24.1	22.9	1.2	1.0	-2.0	0.6	12.8	-16.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	49,321 (2.1)	4.2	6.5	5.5	23.3	22.4	21.2	1.3	1.1	-1.6	2.1	-8.0	-22.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	307,564 (13.2)	14.0	10.8	9.8	26.5	11.6	14.9	1.1	0.9	-4.9	0.9	-3.8	-31.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	69,646 (3.0)	0.0	11.7	6.6	37.4	22.3	21.0	1.3	1.1	-0.9	2.5	16.1	-33.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	8,727 (0.4)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.0	0.5	-3.6	-5.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	84,654 (3.6)	21.0	16.4	13.5	15.8	11.0	12.2	1.7	1.5	-4.5	-0.4	-0.2	-6.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	13,738 (0.6)	14.2	14.4	11.7	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	-1.7	0.0	-4.2	-32.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	384,219 (16.6)	55.4	6.8	6.4	-3.2	19.3	16.4	1.1	0.9	-4.8	1.6	32.5	-61.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	157,485 (6.8)	71.9	7.2	6.9	-4.0	24.7	20.6	1.5	1.3	-6.9	-2.2	15.3	-54.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	83,602 (3.6)	52.4	7.2	6.9	-19.0	18.2	15.9	1.1	1.0	-6.7	0.5	14.9	-55.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	351,324 (15.1)	27.2	7.5	6.3	36.3	25.7	24.3	1.7	1.4	-6.2	2.7	31.1	-47.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	142,810 (6.1)	42.1	16.5	15.1	4.0	28.1	28.9	4.4	4.1	-0.1	2.1	0.7	-16.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,099 (0.9)	36.9	23.2	19.3	7.3	20.0	21.3	4.2	3.8	0.4	0.8	0.7	2.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	111,033 (4.8)	16.5	24.5	19.7	-51.9	18.2	21.2	4.1	3.3	-1.8	1.8	-0.4	-21.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	24,570 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.7	-1.8	22.7	-59.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,648 (3.7)	11.0	57.2	-	-88.5	7.7	-	-	-	-1.7	1.4	-0.7	1.3
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	182,593 (7.9)	10.8	19.8	16.1	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	-4.6	-1.9	-6.8	9.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	78,126 (3.4)	38.4	5.5	27.0	65.7	14.1	2.6	0.7	0.7	-6.2	-5.9	28.6	-65.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	20,448 (0.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.8	17.1	29.9	-78.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	232,737 (10.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-4.4	1.8	17.7	-51.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	29,996 (1.3)	3.6	45.0	10.9	-52.4	1.3	4.5	-	-	-3.8	3.9	-1.1	-50.9
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	145,491 (6.3)	0.0	13.4	11.9	-4.5	15.8	14.1	1.9	1.9	-0.2	1.1	-4.8	43.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	206,547 (8.9)	46.1	17.0	16.4	-17.5	22.6	21.3	3.8	3.5	-1.3	-1.1	-1.9	20.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	78,636 (3.4)	31.4	12.1	11.0	-10.5	15.0	15.0	1.6	1.6	-2.4	-0.8	6.0	-5.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,887 (0.1)	34.1	14.1	7.4	-5.1	8.4	16.0	-	-	-0.6	-1.1	-2.2	-27.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	638,217 (27.5)	18.0	4.7	4.9	21.9	28.9	23.4	1.1	1.0	-2.0	2.3	-	-37.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	303,805 (13.1)	36.5	5.1	8.0	-0.5	31.9	19.2	1.4	1.4	2.0	-3.8	14.4	2.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	272,977 (11.8)	46.5	6.2	8.9	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.7	1.4	-7.6	12.1	-10.8
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	155,999 (6.7)	38.9	3.3	3.9	67.9	23.1	15.8	0.6	0.5	-6.7	6.3	29.4	-57.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	47,384 (2.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-4.6	-3.4	10.3	-44.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	47,981 (2.1)	4.6	18.8	15.3	-51.0	11.0	12.3	2.0	1.8	-1.7	-1.0	-8.4	-25.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	192,127 (8.3)	39.9	31.0	15.5	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	-4.6	-3.5	-	-32.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	84,869 (3.7)	35.9	8.7	8.1	2.2	14.6	14.4	1.2	1.2	-6.0	2.5	-5.6	-16.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	273,673 (11.8)	0.0	17.6	15.4	14.4	27.0	26.8	4.5	4.2	-2.1	-1.4	-1.3	5.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	148,826 (6.4)	0.0	20.9	16.6	2.4	22.3	22.2	3.6	3.1	-0.8	6.6	11.8	33.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,287 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.9	9.3	20.2	-12.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	155,573 (6.7)	30.3	19.6	17.0	-75.2	30.0	27.0	5.2	4.1	0.0	1.6	10.4	36.5
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	37,206 (1.6)	34.6	9.1	10.5	41.2	33.0	24.6	2.6	2.4	-6.9	-0.3	-1.5	-8.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	958 (0.0)	45.4	13.4	12.3	10.7	22.3	21.7	2.7	2.4	-0.2	2.0	-6.5	-22.3
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	222,232 (9.6)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.9	28.6	4.6	4.0	-4.2	0.8	-5.9	11.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.